

Thứ hai, ngày 8 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thanh khoản đột phá, VN-Index trở lại 900 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 09/06/2020		•	
Tuần 8/6-12/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giao dịch rất hưng phấn và đã kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 900 điểm. Thanh khoản đột biến và tăng mạnh so với phiên trước theo xu hướng mua vào. Khối ngoại đã mua ròng trên sàn HSX trong khi bán ròng tại sàn HNX. Dòng tiền chảy vào toàn bộ nhóm ngành cổ phiếu khi 19/19 ngành đều tăng điểm. Đồng thời 27/30 cổ phiếu VN30 đều tăng điểm mạnh. Nếu dòng tiền nội tiếp tục chảy mạnh vào thị trường, VN-Index nhiều khả năng có thể trở lại ngưỡng 920 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 785 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 08/06/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Dầu khí 3.6%**

Phân tích kỹ thuật: SBT_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+13.70** điểm, đóng cửa **899.92**. HNX-Index **+2.02** điểm, đóng cửa **120.10**.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+2.19)**; **VNM(+1.79)**; **GAS (+1.09)**; **VIC(+0.96)**; **SAB(+0.55)**.
- Kéo chỉ số giảm: **LGC (-0.13)**; **TPB(-0.04)**; **VPB(-0.04)**; **CTD(-0.03)**; **HDB(-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,224** tỷ đồng, tăng **39.1%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 16.95 điểm, nở rộng so cùng phiên liền trước. Thị trường có **313** mã tăng, 47 mã tham chiếu và **77** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: - Dữ liệu giao dịch khối ngoại của HOSE chưa được cập nhật đến chiều ngày 06/08/2020. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-20.08** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

ggg

VN-INDEX

899.92

Giá trị: 7224.14 tỷ

13.7 (1.55%)

Khối ngoại (ròng): -150.32 tỷ

HNX-INDEX

120.10

Giá trị: 623.32 tỷ

2.02 (1.71%)

Khối ngoại (ròng): -48.33 tỷ

UPCOM-INDEX

57.30

Giá trị: 0.53 tỷ

0.87 (1.54%)

Khối ngoại(ròng): 8.19 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá đầu	39.8	0.68%
Giá vàng	1,694	0.53%
Tỷ giá USD/VND	23,260	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,298	-0.23%
Tỷ giá JPY/VND	21,242	0.08%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	6.90%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-1.40%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	65.4	E1VFN3C	-131.3
VCB	38.4	i	-111.2
VRE	18.8	TDH	-30.7
FUEFVFN	12.5	VJC	-24.3
VHM	12.0	MSN	-16.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

Vietnam Daily Review

8/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_3.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	3.6%	3.6%	12.1%	57.1%	-15.0%	-15.0%	25.2%
Corona Avengers	3.1%	3.1%	9.6%	61.6%	6.5%	6.5%	22.0%
Chiến tranh thương mại	2.7%	2.7%	6.5%	51.4%	-4.1%	-4.1%	18.2%
Hàng tiêu dùng	2.6%	2.6%	7.2%	58.9%	2.5%	2.5%	19.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.6%	2.6%	9.5%	49.1%	1.1%	1.1%	22.3%
Vật liệu Xây dựng	2.5%	2.5%	4.0%	50.8%	2.1%	2.1%	20.5%
Lãi suất giảm	2.3%	2.3%	7.2%	52.9%	0.9%	0.9%	19.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	2.1%	2.1%	5.5%	38.4%	-8.6%	-8.6%	16.6%
Stay-at-home	2.0%	2.0%	5.6%	46.2%	6.0%	6.0%	17.2%
VN Diamond	1.8%	1.8%	4.4%	39.7%	-8.0%	-8.0%	19.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.8%	1.8%	4.1%	47.0%	-6.1%	-6.1%	21.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.7%	1.7%	3.3%	36.6%	-5.8%	-5.8%	17.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.7%	1.7%	3.1%	34.5%	-5.4%	-5.4%	15.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.6%	1.6%	5.8%	41.0%	-6.2%	-6.2%	19.3%
Nước & Năng lượng	1.6%	1.6%	4.5%	34.2%	-4.8%	-4.8%	16.7%
FTSE Việt Nam	1.6%	1.6%	2.8%	32.3%	-5.4%	-5.4%	16.8%
Ngân Hàng	1.4%	1.4%	7.7%	42.2%	2.3%	2.3%	23.2%
BDS & Khu công nghiệp	1.1%	1.1%	4.4%	33.5%	-7.4%	-7.4%	17.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.9%	0.9%	6.1%	42.7%	-1.2%	-1.2%	21.4%
VN FinSelect	0.8%	0.8%	5.6%	41.0%	-1.4%	-1.4%	19.9%
Xây dựng	0.7%	0.7%	5.5%	46.0%	0.2%	0.2%	19.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.4%	0.4%	4.2%	11.9%	11.9%	11.9%	25.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	0.3%	4.4%	40.1%	9.0%	9.0%	15.6%
Ngành Dược	-0.1%	-0.1%	0.5%	18.4%	-5.2%	-5.2%	18.3%
Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	3.5%	3.5%	9.9%	63.8%	-0.7%	-0.7%	20.9%
S32	2.5%	2.5%	6.2%	54.6%	-9.3%	-9.3%	22.2%
M31	2.5%	2.5%	7.1%	43.3%	-2.2%	-2.2%	20.9%
L22	2.4%	2.4%	5.1%	47.4%	-3.3%	-3.3%	19.6%
L11	2.1%	2.1%	5.1%	36.0%	-5.7%	-5.7%	17.3%
S11	1.8%	1.8%	5.3%	32.7%	1.5%	1.5%	18.8%
M22	1.7%	1.7%	4.2%	43.6%	0.9%	0.9%	18.8%
S21	1.5%	1.5%	4.4%	43.3%	-3.0%	-3.0%	19.8%
M12	1.5%	1.5%	4.3%	37.2%	-2.1%	-2.1%	19.8%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	2.1%	2.1%	7.3%	45.6%	4.8%	4.8%	17.4%
HIGH3	1.7%	1.7%	4.8%	46.3%	4.2%	4.2%	18.9%
LOW1	1.1%	1.1%	3.8%	33.0%	-1.9%	-1.9%	17.0%
INDEX							
VNINDEX	1.5%	1.5%	4.1%	35.8%	-6.4%	-6.4%	16.8%
VN30INDEX	1.5%	1.5%	4.0%	37.3%	-4.6%	-4.6%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	16	8	16	8	19	5
Mục tiêu	9	7	2	7	2	9	0
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

SBT_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: SBT đang ở trong trạng thái tăng giá trở lại từ cuối tháng 3 đến nay đồng thuận với đà hồi phục của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản cổ phiếu những phiên gần đây duy trì giá trị tốt và ổn định. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần, qua đó chính thức vượt qua khu vực tích lũy xung quanh ngưỡng 15. Các chỉ báo xu hướng hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của SBT. Chỉ báo động lượng RSI đã ở trong vùng quá mua nhưng chưa có dấu hiệu nào cho thấy cổ phiếu sẽ có sự điều chỉnh trong ngắn hạn. Ngưỡng kháng cự gần nhất của SBT nằm tại mốc 16.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh ngưỡng 17.5, cắt lỗ nếu vùng giá 14 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 08/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.05	1.26%	13.00%	56.30%	-24.42%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.95	1.54%	12.10%	41.30%	-26.34%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	123.89	2.08%	16.10%	39.60%	-26.03%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1697.18	0.72%	-2.40%	-1.10%	22.24%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.71	1.69%	-3.20%	15.40%	14.81%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	868.00	0.03%	3.30%	4.30%	-6.14%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	511.25	-0.78%	-0.80%	-1.20%	-6.24%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.88	-1.63%	7.50%	45.90%	19.98%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	149.77	3.06%	4.40%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.15	0.50%	9.70%	15.40%	-12.90%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.90	0.76%	2.70%	-10.60%	-14.48%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5690.00	2.84%	5.80%	11.10%	-1.88%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	512.69	0.79%	2.10%	6.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1591.50	1.34%	2.80%	7.30%	-9.78%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	109.87	4.89%	3.50%	26.20%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.20	1.44%	2.40%	5.60%	-27.81%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

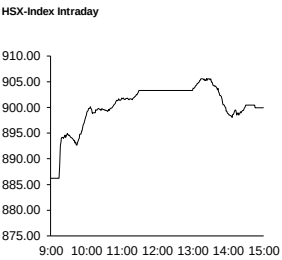
Giá dầu

- Chiều 8/6, dầu thô WTI kỳ hạn tháng 7 tăng 0.50 USD, hay 1.26% lên 40.05 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 7 tăng 0.65 USD, hay 1.54% lên 42.95 USD/thùng.
- Hôm 6/6, OPEC+ đồng thuận kéo dài thời hạn cắt giảm cung dầu 9.7 triệu thùng/ngày tới cuối tháng 7. Saudi Arabia cũng tăng giá dầu trong tháng 7.
- Trung Quốc tăng cường nhập khẩu dầu khi giá thấp. Nhà nhập khẩu dầu lớn nhất thế giới này mua vào 11.3 triệu thùng/ngày trong tháng 5.

Giá vàng

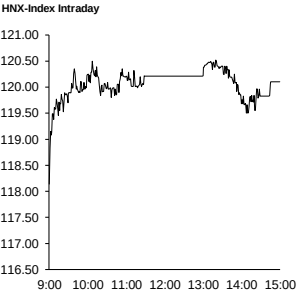
- Chiều 8/6, vàng giao ngay giá vàng giao ngay tăng 0.72% lên 1,697.18 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 0.92% lên 1,698.40 USD/ounce.
- Giá vàng hồi phục đôi chút sau khi giảm mạnh trong phiên cuối tuần trước khi báo cáo lao động Hoa Kỳ cho thấy tín hiệu tích cực hơn kỳ vọng.

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

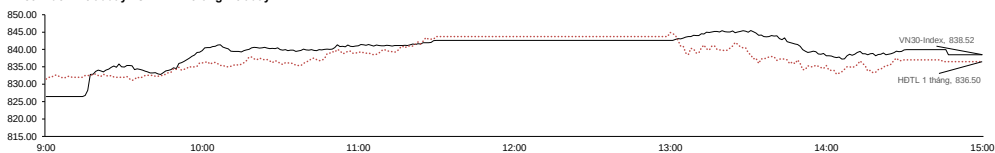
Bảng 1

Ngành	±%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.54%
Hóa chất	0.64%
Bất động sản	0.96%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.97%
Truyền thông	0.97%
Xây dựng và Vật liệu	1.19%
Du lịch và Giải trí	1.23%
Bảo hiểm	1.30%
Ngân hàng	1.43%
Công nghệ Thông tin	1.73%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.91%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.14%
Tài nguyên Cơ bản	2.33%
Thực phẩm và đồ uống	2.34%
Dầu khí	2.64%
Dịch vụ tài chính	2.74%
Ô tô và phụ tùng	3.01%
Bán lẻ	4.05%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	836.50	1.39%	-2.02	10.8%	159,338	6/18/2020	12
VN30F2007	827.00	1.47%	-11.52	80.2%	1,180	7/16/2020	40
VN30F2009	810.00	1.66%	-28.52	-41.0%	138	9/17/2020	103
VN30F2012	812.70	1.71%	-25.82	-41.5%	93	12/17/2020	194

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh +12.05 điểm lên mức 838.52 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, MWG, HPG, TCB, và VIC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tăng tích cực lên gần 845 điểm. Sang phiên chiều VN30 điều chỉnh giảm, giảm cơ quanh 840 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể vận động tăng lên 850 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2006 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2007 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 785 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM2001	HSC	6/22/2020	14	10:1	478,890	-32.1%	5.0 triệu	30.27%	1,700	650	38.30%	535.70	1.21
CHPG2004	SSI	6/15/2020	7	1:1	91,550	-84.6%	5.0 triệu	35.12%	2,800	4,360	23.51%	4,221.50	1.03
CHPG2002	KIS	12/16/2020	191	2:1	254,110	21.1%	3.0 triệu	35.12%	1,700	1,920	15.66%	1,082.10	1.77
CFPT1908	MBS	6/17/2020	9	3:1	218,030	449.9%	2.4 triệu	31.99%	3,150	1,260	14.55%	1,322.80	0.95
CFPT2005	VND	7/1/2020	23	1:1	49,250	68.1%	1.0 triệu	31.99%	2,900	9,270	9.83%	8,970.60	1.03
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	44	1:1	106,380	261.8%	1.5 triệu	42.85%	2,200	2,850	9.62%	3,027.60	0.94
CFPT2004	SSI	8/10/2020	63	1:1	48,460	287.7%	2.0 triệu	31.99%	5,100	9,830	9.10%	8,375.30	1.17
CFPT2001	HSC	6/22/2020	14	5:1	421,270	1710.4%	5.0 triệu	31.99%	1,600	570	7.55%	513.40	1.11
CPNJ2002	VND	10/1/2020	115	2:1	81,130	619.2%	1.0 triệu	35.10%	2,400	4,320	7.20%	2,187.90	1.97
CFPT2003	SSI	11/9/2020	154	1:1	22,800	-21.0%	2.0 triệu	31.99%	7,300	12,450	7.14%	10,127.70	1.23
CHPG2005	VND	10/1/2020	115	1:1	68,540	46.1%	2.0 triệu	35.12%	2,100	8,780	7.07%	9,021.40	0.97
CVNM2003	MBS	9/4/2020	88	10:1	284,050	6.1%	3.0 triệu	30.27%	1,450	2,910	6.59%	3,005.70	0.97
CTCB2004	MBS	8/18/2020	71	2:1	122,970	2.7%	2.0 triệu	35.42%	1,050	2,500	4.17%	2,461.10	1.02
CVPB2005	MBS	8/18/2020	71	2:1	355,300	113.7%	2.0 triệu	42.85%	1,510	2,860	4.00%	2,669.10	1.07
CVPB2001	HSC	6/22/2020	14	2:1	241,120	109.2%	5.0 triệu	42.85%	1,500	2,280	3.64%	2,245.60	1.02
CSTB2003	KIS	9/16/2020	100	1:1	308,430	31.8%	3.0 triệu	38.70%	1,360	1,340	2.29%	746.80	1.79
CMSN2004	MBS	9/4/2020	88	5:1	273,660	191.7%	1.5 triệu	32.93%	1,980	2,350	0.86%	1,978.80	1.19
CREE2002	VND	7/1/2020	23	1:1	216,590	0.0%	1.5 triệu	29.32%	1,800	1,950	0.00%	1,068.10	1.83
CMWG2001	HSC	6/22/2020	14	10:1	148,320	-4.3%	5.0 triệu	38.68%	1,700	20	0.00%	0.10	200.00
CVRE2003	KIS	12/16/2020	191	2:1	252,750	1335.3%	3.0 triệu	41.39%	3,000	1,140	-1.72%	517.20	2.20
CDPM2002	KIS	12/16/2020	191	1:1	170,490	350.2%	2.0 triệu	39.50%	1,700	2,660	-3.27%	1,619.90	1.64
Tổng:					4,214,090		57.90 triệu	35.50%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 08/06/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CHPG2004 và CHPG2001 tăng mạnh lần lượt là 36.25% và 21.51%. Trái lại, CDPM2001 giảm mạnh -9.09%. Giá trị giao dịch tăng 46.36%. CVPB2005 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.96% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là GMD, NVL, ROS, và VJC, các chứng quyền khác đều có giá thị trường gần với giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	122.80	3.02	2.66
MWG	90.10	4.65	1.54
HPG	27.70	2.40	1.41
TCB	21.70	1.17	0.75
VIC	96.00	1.05	0.63

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	24.5	-0.20	-0.11
HDB	27.4	-0.36	-0.09
CTD	71.9	-1.78	-0.06
REE	32.2	0.47	0.03
NVL	54.7	0.18	0.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2001	137,000	120,000	122,800
CHPG2004	26,300	23,500	27,700
CHPG2002	33,399	29,999	27,700
CFPT1908	63,450	54,000	49,350
CFPT2005	51,900	49,000	49,350
CVPB2003	24,200	22,000	24,450
CFPT2004	55,100	50,000	49,350
CFPT2001	64,000	56,000	49,350
CPNJ2002	73,800	69,000	66,100
CFPT2003	57,300	50,000	49,350
CHPG2005	21,100	19,000	27,700
CVNM2003	108,500	94,000	122,800
CTCB2004	19,100	17,000	21,700
CVPB2005	22,520	19,500	24,450
CVPB2001	23,000	20,000	24,450
CSTB2003	12,471	11,111	10,700
CMSN2004	64,900	55,000	63,400
CREE2002	33,800	32,000	32,150
CMWG2001	132,000	115,000	90,100
CVRE2003	43,999	37,999	28,600
CDPM2002	16,952	15,252	14,750

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	90.1	4.6%	1.2	1,774	14.3	8,808	10.2	3.1	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	66.1	3.8%	1.3	647	6.3	5,248	12.6	3.0	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	50.6	1.7%	1.3	1,633	3.1	1,307	38.7	1.9	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.3%	0.5	298	0.1	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.0	1.1%	0.8	14,118	2.0	2,095	45.8	4.0	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	28.6	0.5%	1.1	2,826	3.5	1,226	23.3	2.4	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.7	0.2%	0.8	2,306	1.6	3,584	15.3	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	32.2	0.5%	0.8	433	2.0	4,976	6.5	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.4	3.3%	1.4	280	2.7	2,289	5.4	0.9	39.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	16.1	2.2%	1.3	419	4.2	1,415	11.3	0.9	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	25.6	1.6%	1.0	183	1.0	4,240	6.0	1.0	28.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	20.8	3.8%	1.8	275	2.8	1,480	14.0	1.4	53.2%	12.0%
FPT	Công nghệ	49.4	1.3%	0.8	1,682	8.9	4,804	10.3	2.3	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	53.9	3.1%	0.4	583	0.1	4,812	11.2	2.8	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	79.0	2.6%	1.5	6,574	2.3	5,820	13.6	3.0	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	48.0	2.1%	1.5	2,485	3.2	869	55.2	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	14.0	4.5%	1.5	291	7.3	1,238	11.3	0.5	12.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.9	1.3%	0.8	1,065	3.3	898	8.8	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.0	0.3%	0.5	529	0.1	5,046	18.4	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.8	-0.7%	0.5	251	3.6	1,006	14.7	0.7	12.1%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.5	0.2%	0.5	194	0.7	415	20.3	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	89.4	0.4%	1.1	14,416	3.1	4,848	18.4	3.9	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	44.0	4.5%	1.4	7,694	4.7	2,140	20.6	2.3	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.9	1.8%	1.2	4,031	7.6	2,510	9.9	1.2	29.8%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.5	-0.2%	1.2	2,591	8.7	3,750	6.5	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	18.1	1.1%	1.1	1,898	6.4	3,398	5.3	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	25.4	0.8%	1.0	1,836	6.8	3,780	6.7	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	52.6	3.7%	0.9	187	0.6	5,303	9.9	1.7	80.1%	17.0%
NTP	Nhựa	37.7	0.5%	0.5	161	0.1	4,208	9.0	1.5	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	-1.3%	0.5	641	0.0	356	41.9	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.7	2.4%	1.1	3,325	20.7	2,764	10.0	1.5	36.3%	17.4%
HSG	Thép	11.3	6.6%	1.6	218	7.3	1,493	7.6	0.8	14.2%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	122.8	3.0%	0.7	9,297	7.5	5,453	22.5	7.1	58.9%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	182.0	1.7%	0.8	5,074	0.8	6,719	27.1	6.8	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.4	0.6%	1.0	3,222	4.9	3,961	16.0	1.7	39.3%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	16.1	7.0%	0.7	411	2.7	171	94.3	1.3	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	68.7	8.0%	0.8	6,503	2.2	3,450	19.9	4.1	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	115.0	0.6%	1.1	2,619	3.4	7,110	16.2	4.0	18.4%	26.3%
HVN	Vận tải	28.8	1.8%	1.7	1,773	2.7	1,654	17.4	2.2	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	21.1	1.2%	0.9	272	0.9	1,583	13.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.8	1.7%	1.1	144	1.3	2,117	5.6	0.7	25.3%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	69.2	1.6%	0.9	467	1.7	9,201	7.5	3.2	2.7%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	0.3%	0.8	371	0.2	1,453	13.1	1.3	9.8%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	1.0%	1.0	246	0.3	1,938	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	71.9	-1.8%	1.0	238	2.0	8,032	9.0	0.6	46.6%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	0.0%	0.4	484	0.2	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.2	0.5%	0.4	199	3.3	1,775	10.8	0.9	43.2%	8.5%
POW	Điện	10.7	1.4%	0.6	1,089	4.3	1,028	10.4	0.9	11.6%	9.4%
NT2	Điện	21.6	0.9%	0.5	270	0.5	2,543	8.5	1.4	17.9%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	44.00	4.51	2.19	2.49MLN
VNM	122.80	3.02	1.79	1.42MLN
GAS	79.00	2.60	1.09	659450.00
VIC	96.00	1.05	0.97	482180.00
SAB	182.00	1.68	0.55	98910.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	16.40	2.50	0.53	7.69MLN
ACB	25.40	0.79	0.32	6.08MLN
SHS	12.70	9.48	0.16	6.30MLN
PVS	14.00	4.48	0.14	12.04MLN
IDC	19.80	4.21	0.12	55800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	-0.01	-0.13	1050.00	1.11MLN
TPB	0.00	-0.04	132990.00	607060.00
VPB	0.00	-0.04	8.06MLN	373600.00
CTD	0.00	-0.03	630860.00	192700.00
HDB	0.00	-0.03	1.49MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NDN	19.10	-6.83	-0.06	718000.00
EVS	7.30	-9.88	-0.01	9300.00
TV3	26.60	-9.22	-0.01	500.00
CTB	29.00	-3.33	-0.01	3100.00
LAS	6.50	-2.99	-0.01	457000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	1.07	7.00	0.00	1.27MLN
QBS	3.37	6.98	0.00	95490.00
AMD	3.83	6.98	0.01	9.42MLN
VID	7.66	6.98	0.00	5210.00
DPG	26.05	6.98	0.02	1.36MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	130700.00
BII	0.80	14.3	0.00	711700.00
PVX	1.00	11.1	0.02	6.38MLN
HTP	11.00	10.0	0.00	5900.00
KLF	2.20	10.0	0.03	7.61MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNI	7.94	-6.92	-0.01	10.06MLN
RDP	8.94	-6.88	-0.01	11720.00
VSI	22.35	-6.88	-0.01	1490.00
KPF	15.85	-6.76	-0.01	8580.00
LEC	15.70	-6.55	-0.01	780.00

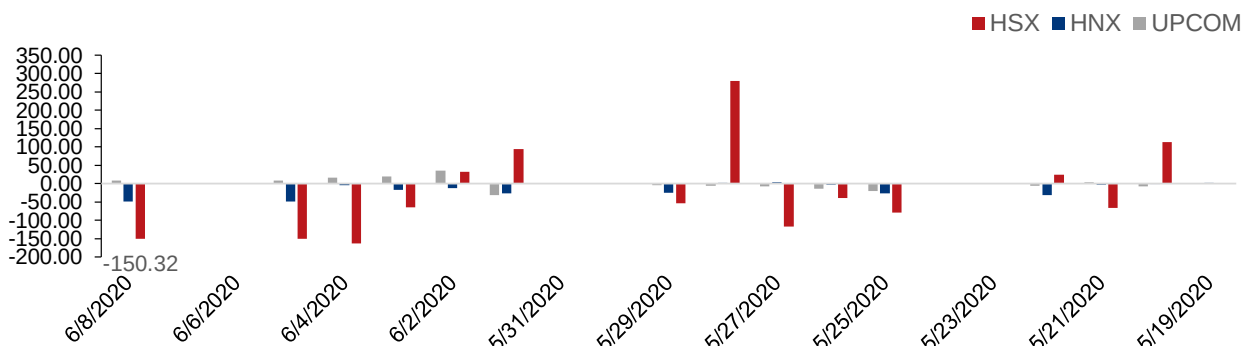
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	23.40	-10.00	-0.01	900.00
CJC	15.40	-9.94	0.00	100.00
EVS	7.30	-9.88	-0.01	9300.00
L18	7.30	-9.88	0.00	11000.00
PPP	13.90	-9.74	0.00	2300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	63.4	3,961	16.0	1.7	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	41.6	4,717	8.8	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.3	1,493	7.6	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.6	5,479	8.0	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	21.7	1,140	19.0	1.8	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.7	2,764	10.0	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.7	2,987	7.3	1.2	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	66.1	5,248	12.6	3.0	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.4	5,718	23.5	8.3	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.4	2,289	5.4	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.8	1,496	11.2	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	28.9	7,637	3.8	1.3	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	23.8	5,311	4.5	1.1	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	31.5	4,465	7.1	1.4	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	89.4	4,848	18.4	3.9	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	25.4	3,780	6.7	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	39.8	6,553	6.1	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	54.7	3,887	14.1	2.8	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	49.4	4,804	10.3	2.3	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	21.1	1,583	13.3	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phát sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phát sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương Về triển khai Mobile Money tại Việt Nam Ví điện tử tại các thị trường VGI đầu tư: (1) có liên kết với ngân hàng và chỉ có tại các nước chậm phát triển (2) các nước phát triển có thói quen dùng visa. Việt Nam đang xin cấp phép để thử nghiệm về thanh toán (1) một số hàng hóa (2) có giới hạn số tiền được chi trả mỗi tháng (3) không có tài khoản ngân hàng đảm bảo (4) nhà mạng phải ký quỹ với Ngân hàng nhà nước. Thách thức trong việc triển khai ví điện tử tại các thị trường của VGI (1) tìm đối tác là ngân hàng (2) xin được giấy phép. Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giả định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019). Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp có vị thế tiền mặt và tiền gửi ngân hàng dồi dào hàng năm và được quản lý tốt, (2) Thu nhập từ 3 liên doanh đảm bảo chính sách cổ tức hấp dẫn, chúng tôi kỳ vọng giai đoạn 2020 - 2021, doanh nghiệp sẽ trả cổ tức khoảng 4,300-5,200 đồng/cổ phiếu tương đương lợi suất cổ tức 9-10%.
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lô cao, thị phần đạt 70%. 6 lô cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lỗ P4 sử dụng tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan: dùng trong chất bán dẫn, màn hình tinh thể lỏng. Nhu cầu 5G cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu của P4. Nếu tăng thuế xuất khẩu P4 lên 20% (hiện tại: 5%), DGC chỉ có thể chuyển 1 phần sang cho khách hàng (5- 10%) do khách hàng có thể mua từ Morocco. Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn. Rủi ro Đầu tư: Dịch bệnh khiến ảnh hưởng kết quả kinh doanh và chất lượng tài sản. Cập nhật KQKD: (1) LNTT +19.2% yoy, trong đó tín dụng +3.7% ytd, NIM - 3 bps so với cuối năm 2019. (2) Thu nhập ngoài lãi +75.6%, trong đó: phí dịch vụ +51.5% yoy, ACB cũng ghi nhận 560 tỷ từ CK đầu tư. (3) Chi phí tín dụng tăng mạnh +462% yoy do ảnh hưởng bởi COVID-19. (4) Tỷ trọng cho vay cá nhân và SME ở mức cao (~63% tổng dư nợ cho vay). Trong đó, tỷ lệ cho cá nhân vay mua nhà ở mức ~80% dư nợ cho vay cá nhân, ~35% cho vay toàn ngân hàng. (5) Giảm lãi suất huy động ngắn hạn hỗ trợ giảm chi phí vốn cho TCB. (6) Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ, dự kiến NPL <2% trong năm 2020.
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).
VTP 2020Q2	19/5/2020	



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn